

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE

Căn cứ Điều 211, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 480/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: khu phố C, phường P, thành phố BT, tỉnh BT.

- Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: khu phố C, phường P, thành phố BT, tỉnh BT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Bùi Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố BT, tỉnh BT vào ngày 25/8/2015. Hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau này phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Th và ông T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Nguyễn Ninh G, sinh ngày 19/5/2016 và Bùi Nguyễn Mai P, sinh ngày 01/12/2018. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận bà Th là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph, bà Th yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, với số tiền là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th và ông T khai không có nên không xem xét.

[4] Lệ phí Tòa án: Bà Th và ông T thống nhất tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của bà Th và ông T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Quá trình giải quyết, bà Th và ông T đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Th** và ông **Bùi Văn T** thuận tình ly hôn.

Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Bà Nguyễn Thị Th và ông Bùi Văn T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Nguyễn Ninh G, sinh ngày 19/5/2016 và Bùi Nguyễn Mai P, sinh ngày 01/12/2018.

Giao cháu Bùi Nguyễn Mai P cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Bùi Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng với số tiền 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Giao cháu Bùi Nguyễn Ninh G cho ông Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận việc ông Bùi Văn T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Th cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Th và ông Bùi Văn T khai không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Th và ông Bùi Văn T khai không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Th và ông Bùi Văn T tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ theo Biên lai số 0000853 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- UBND phường P, thành phố BT, tỉnh BT.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong

